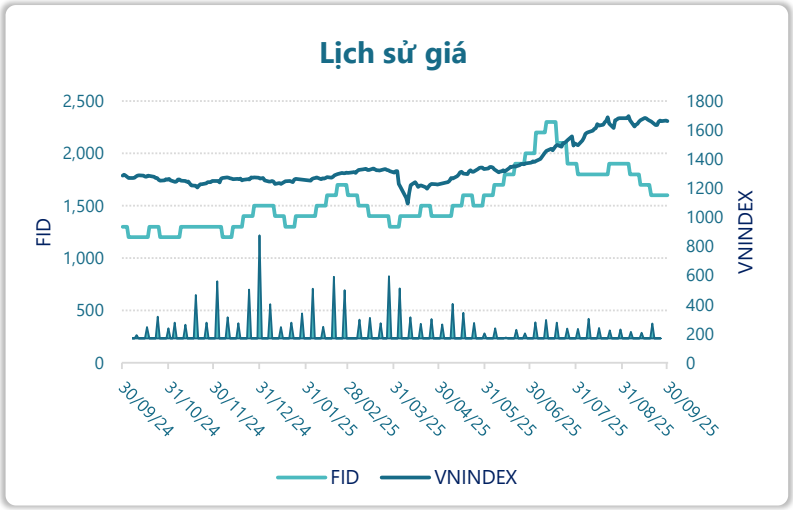
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	24,715,958
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,650
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	40
P/E	6.2
EPS	257

DT thuần

Q3/25

0.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.9| -96.5%

YoY: ▼5.04| -86.4%

LN sau thuế

Q3/25

-3.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.19| 5.0%

YoY: ▼2.46| -208%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-295%

+/- YoY: ▼ 275%

DT thuần

9T 2025

33.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.4| 68.1%

LN sau thuế

9T 2025

-10.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.10| -187%

ROE

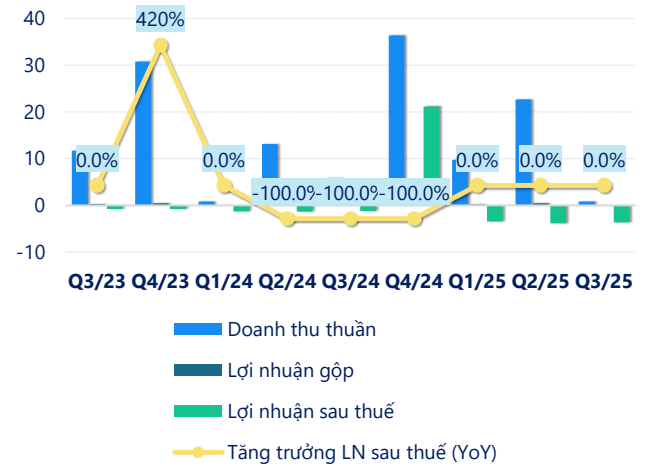
Q3/25

2.5%

+/- YoY: ▲ 4.1%

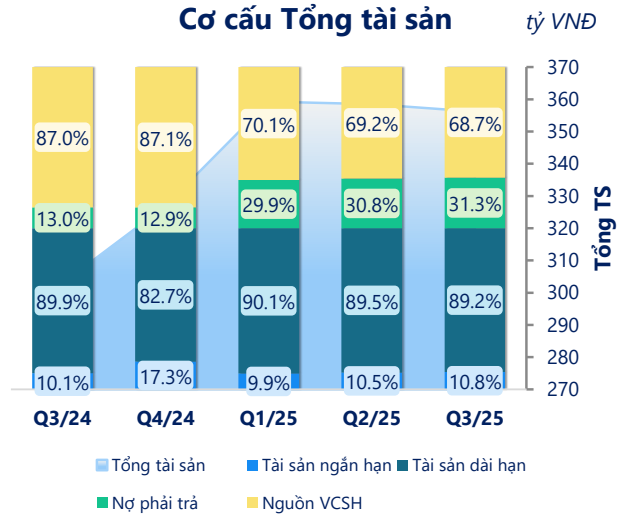
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



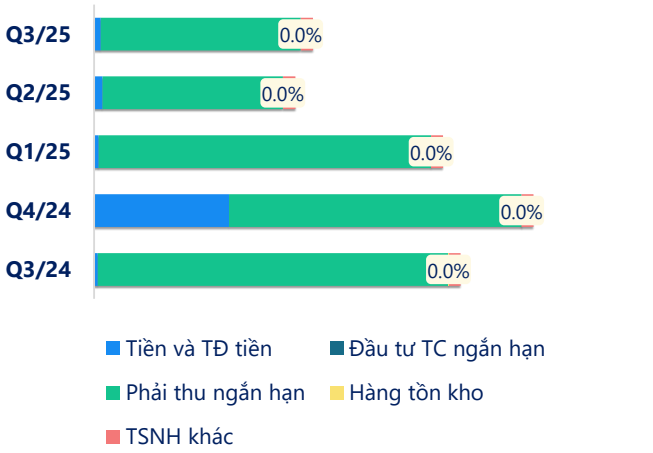
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



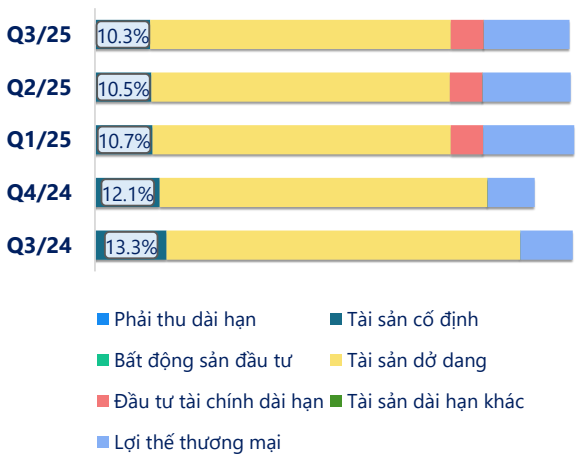
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



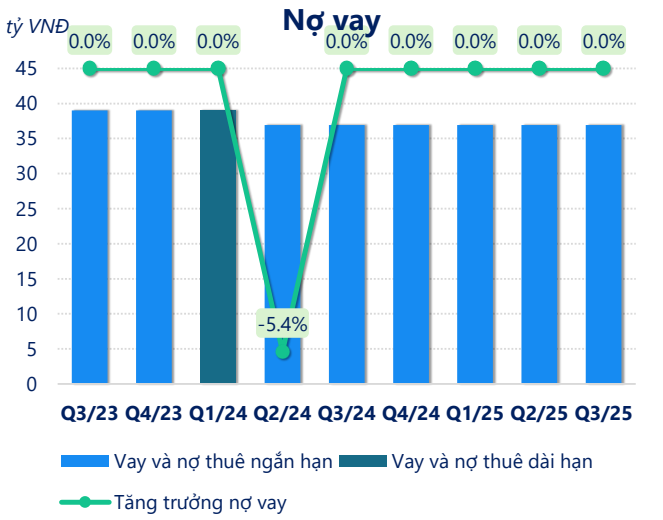
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



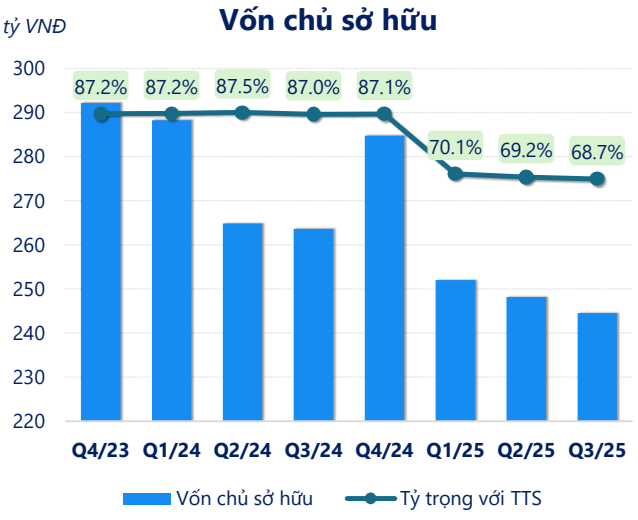
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



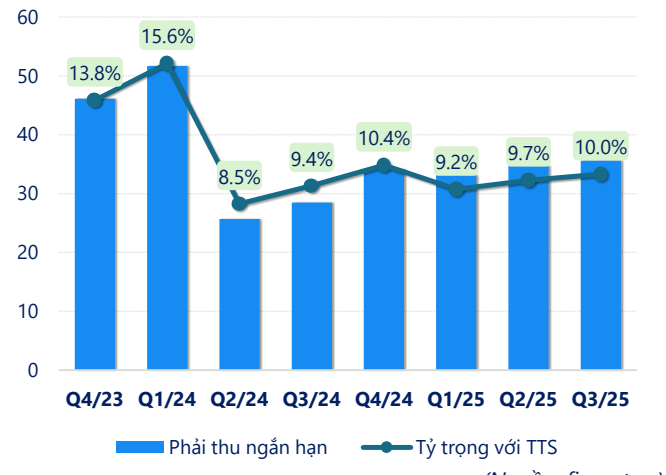
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



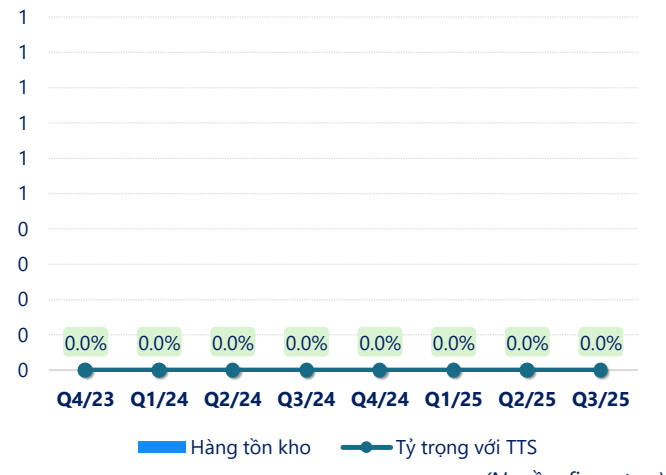
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



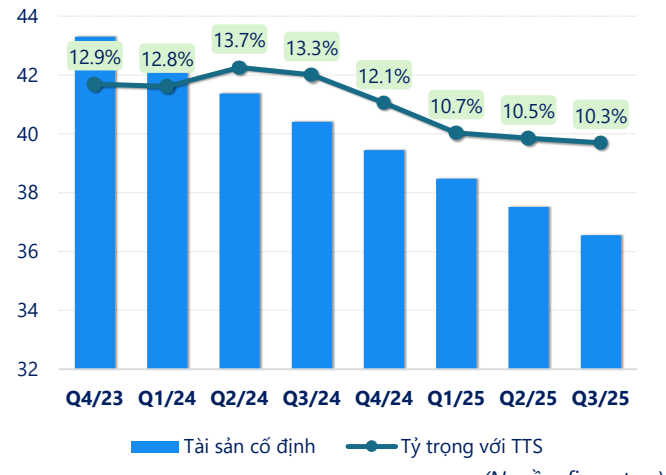
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



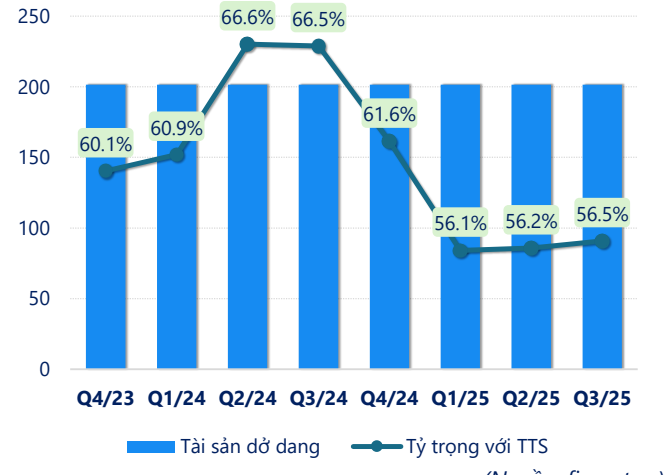
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



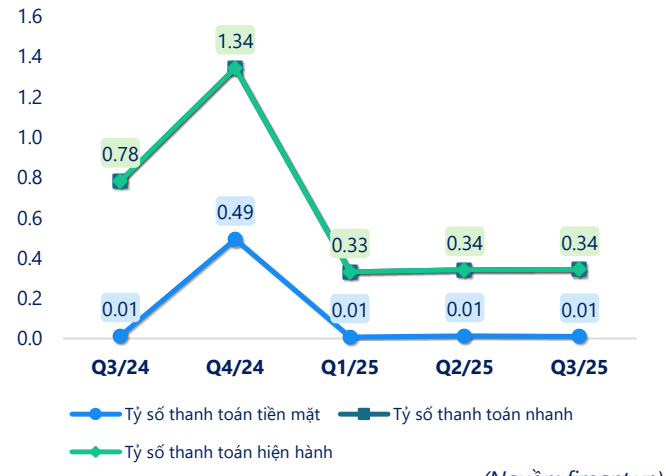
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



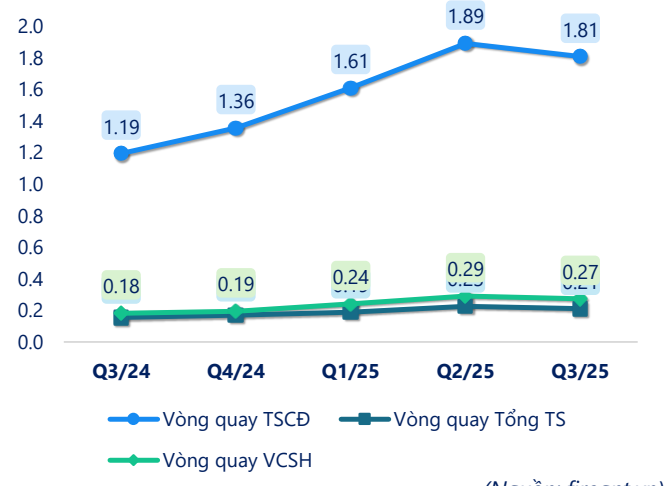
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**303**	**327**	**359**	**359**	**356**
Tài sản ngắn hạn	**30.7**	**56.6**	**35.5**	**37.7**	**38.3**
Tiền và tương đương tiền	0.52	20.7	0.78	1.41	1.11
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	28.5	34.1	33.1	34.7	35.6
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	1.74	1.69	1.64	1.61	1.57
Tài sản dài hạn	**272**	**270**	**324**	**321**	**318**
Phải thu dài hạn	0.44	0.44	0.44	0.44	0.44
Tài sản cố định	40.4	39.4	38.5	37.5	36.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	201	201	201	201	201
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	22.0	22.0	22.0
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.14	0.08	0.02	0.00
Lợi thế thương mại	29.8	28.9	61.4	59.4	57.5
Nợ phải trả	**39.3**	**42.1**	**107**	**110**	**112**
Nợ ngắn hạn	**39.3**	**42.1**	**107**	**110**	**112**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.9	36.9	36.9	36.9	36.9
Phải trả người bán ngắn hạn	1.84	4.15	4.26	6.01	6.02
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**264**	**285**	**252**	**248**	**245**
Vốn chủ sở hữu	**264**	**285**	**252**	**248**	**245**
Vốn điều lệ	247	247	247	247	247
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)